

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tựu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Đặng Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Phan Thị M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

**- Người làm chứng:** Lâm Thị Tuyết M1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

*(Tại phiên tòa anh Đặng Văn T có mặt, chị Phan Thị M và chị Lâm Thị Tuyết M1 đều vắng mặt không có lý do).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo Đơn khởi kiện ngày 18-11-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đặng Văn T trình bày:**

Vào năm 1997, anh T và chị M yêu thương nhau, được gia đình 02 bên chấp thuận tổ chức lễ cưới cho anh T và chị M về chung sống với nhau, đến ngày 30-12-2002 anh T và chị M mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp. Trong quan hệ hôn nhân anh T và chị M có được 02 con chung tên Đặng Thị T, sinh năm 1997 và Đặng Phan Đức Th, sinh ngày 02-4-2004. Hiện nay Đặng Thị T đang đi học ở thành phố S, tỉnh Đồng Tháp còn Đặng Phan Đức Th hiện đang sống chung với chị M. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M tham gia nhiều tệ nạn xã hội (chơi số đề, đánh bài ở Casino bên Campuchia), ngoài ra chị M còn thiếu trung thực trong việc quản lý tiền bạc, tài chính của gia đình. Anh T nhiều lần khuyên giải, chị M đã hứa khắc phục nhưng vẫn tính nết bất thường không thay đổi, anh T đã ly thân với chị M từ tháng 8-2018 đến nay, trong thời gian ly thân thì anh T cũng không có tìm cách hàn gắn lại tình cảm với chị M. Nhận thấy tình cảm không còn, có sống chung lại thì cũng không có hạnh phúc nên anh T mới khởi kiện ly hôn. Nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị M.
- Về con chung: Hiện nay con chung tên Đặng Thị T, sinh năm 1997 đã thành niên và có khả năng lao động nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Phan Đức Th, sinh ngày 02-4-2004, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phan Thị M trình bày:**

Vào năm 1997, chị M và anh T yêu thương nhau, được gia đình 02 bên chấp thuận tổ chức lễ cưới cho chị M và anh T về chung sống với nhau, đến ngày 30-12-2002 chị M và anh T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp. Trong quan hệ hôn nhân chị M và anh T có được 02 con chung tên Đặng Thị T, sinh năm 1997 và Đặng Phan Đức Th, sinh ngày 02-4-2004. Hiện nay Đặng Thị T đang đi học ở thành phố S, tỉnh Đồng Tháp còn Đặng Phan Đức Th hiện đang sống chung với chị M. Từ khi cưới chị M đến nay anh T luôn có nhân tình bên ngoài, do đời sống bộ đội nên chị M cũng hiểu và cũng thông cảm cho chồng, tuy trước đây dù có nhân tình bên ngoài nhưng anh T vẫn chăm lo cho cuộc sống của chị M và các con nhưng lần này theo chị M biết nguyên nhân anh T khởi kiện cương quyết đòi ly hôn với chị M là do nhân tình hiện tại của anh T (tên Lâm Thị Tuyết M1 nhà ở ấp B, xã C, anh T quen được khoảng 03 năm) buộc anh T phải ly hôn với chị M rồi chị M1 mới cho anh T chung sống với chị M1. Anh T bỏ nhà đi và đã sống ly thân với chị M từ ngày 02-9-2018 đến nay, từ đó đến nay chị M có nhiều lần khuyên anh T từ bỏ nhân tình để về nhà vợ chồng hàn gắn lại chung tay

xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái, anh T có hứa bỏ nhân tình về hàn gắn lại với chị M nhưng đến nay anh T vẫn không thực hiện.

Nay qua yêu cầu của khởi kiện của anh T thì chị M có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị M không đồng ý ly hôn với anh Đặng Văn T vì chị M còn thương chồng và không muốn các con phải sống mà không có ba mẹ.

- Về con chung: Hiện nay con chung tên Đặng Thị T, sinh năm 1997 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết cho anh T ly hôn với chị M thì chị M đồng ý giao cho anh T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Phan Đức Th, sinh ngày 02-4-2004, chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:** Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Đặng Phan Đức Th, sinh ngày 02-4-2004 cho anh Đặng Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Th là muốn được sống chung với anh T. Chị Phan Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Con chung tên Đặng Thị T, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, anh T và chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Văn T không yêu cầu cấp dưỡng, chị Phan Thị M không tự nguyện cấp dưỡng nên không đề cập xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Văn T và chị Phan Thị M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 27-11-2018 nguyên đơn Đặng Văn T, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp gửi đơn khởi kiện tại Tòa

án nhân dân huyện Tân Hồng đối với bị đơn Phan Thị M, sinh năm 1972, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện K, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy: Nguyên đơn có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết vào ngày 07-12-2018 là đúng quy định tại các điều 5, 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với bị đơn Phan Thị M vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị M cưới nhau và sống chung từ năm 1997, đến ngày 30-12-2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Do đó hôn nhân giữa anh T và chị M là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ năm 2014, anh T và chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T cho rằng nguyên nhân là do chị M tham gia nhiều tệ nạn xã hội (chơi số đề, đánh bài ở Casino bên Campuchia), ngoài ra chị M còn thiếu trung thực trong việc quản lý tiền bạc, tài chính của gia đình. Anh T nhiều lần khuyên giải, chị M đã hứa khắc phục nhưng vẫn tính nết bất thay đổi nên từ tháng 8-2018, anh T đã ly thân với chị M. Đến tháng 10-2018, anh T có khởi kiện ly hôn và được Tòa án thụ lý vào ngày 10-10-2018, do chị M có nguyện vọng muốn hàn gắn nên đến ngày 05-11-2018 anh T rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng anh T và chị M vẫn không hàn gắn được nên đến ngày 27-11-2018 anh T tiếp tục khởi kiện ly hôn, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng anh T cương quyết ly hôn với chị M vì tình cảm không còn. Bên cạnh đó ngày 28-3-2019, Tòa án có gửi văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện K xác nhận tình trạng hôn nhân của anh T và chị M nhưng Ủy ban xã T cung cấp là không xác định được anh T và chị M có mâu thuẫn hay không vì anh T và chị M không có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu hòa giải động viên hai đương sự. Đối với chị M cho rằng lý do vợ chồng mâu thuẫn là do anh T có nhân tình bên ngoài nhưng chưa có chứng cứ gì chứng minh, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh T và chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhiều năm, Tòa án đã động viên đoàn tụ được 01 lần nhưng anh T và chị M vẫn không sống chung được, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Văn T.

[2.2] Về con chung: Anh Đặng Văn T và chị Phan Thị M thống nhất có 02 con chung và thống nhất nếu Tòa án cho ly hôn thì giải quyết về con chung như sau:

- Con chung tên Đặng Thị T, sinh năm 1997 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì con chung tên Đặng Phan Đức Th, sinh ngày 02-4-2004 chị Phan Thị M giao cho anh Đặng Văn T trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (nguyện vọng của cháu Th là muốn được sống chung với anh T).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Văn T không yêu cầu cấp dưỡng, chị Phan Thị M không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị M về con chung, chị M có nghĩa vụ giao con chung tên Đặng Phan Đức Th, sinh ngày 02-4-2004 cho anh Đặng Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Th là muốn được sống chung với anh T. Chị M không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm non cháu Th mà không ai được cản trở.

Đối với con chung tên Đặng Thị T, sinh năm 1997, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, anh T và chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy anh Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0002174 ngày 07-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nên anh Đặng Văn T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Phan Thị M không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đặng Văn T.

1. Về hôn nhân: Anh Đặng Văn T được ly hôn với chị Phan Thị M.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Đặng Văn T và chị Phan Thị M:

Chị Phan Thị M có nghĩa vụ giao con chung tên Đặng Phan Đức Th, sinh ngày 02-4-2004 cho anh Đặng Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu Th đang sống chung với chị M và nguyện vọng của cháu Th là muốn được sống chung với anh T), chị Phan Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom Đặng Phan Đức Th mà không ai được cản trở. Đối với con chung tên Đặng Thị T, sinh năm 1997, hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, anh T và chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Văn T không yêu cầu cấp dưỡng, chị Phan Thị M không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Văn T và chị Phan Thị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Anh Đặng Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0002174 ngày 07-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, anh Đặng Văn T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Phan Thị M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21-5-2019). Riêng bị đơn Phan Thị M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Tựu**